

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 06/2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ Phát triển đất tài chính Nhà nước ngoài ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua mức vốn điều lệ và mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất thuộc Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn vào Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 10/01/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 02 năm 2026.

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2012 ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Số 06/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2012 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VII; Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính, thông tin liên hệ và vốn điều lệ

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên có trụ sở đặt tại trụ sở làm việc các cơ quan, tổ dân phố Trường Thịnh, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông tin liên hệ

- Điện thoại: 02083656399
- Email: quyptdtn@gmail.com
- Website: qptd.thainguyen.gov.vn

4. Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên: 1.087.161.329.394 đồng
(Một nghìn không trăm tám mươi bảy tỷ một trăm sáu mươi một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn ba trăm chín mươi tư đồng).

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Quỹ Phát triển đất

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ Phát triển đất có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ; được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước khu vực VII, tài khoản thanh toán tại các Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.

3. Quỹ Phát triển đất có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định, để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 291/2025/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ Phát triển đất hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng nguồn vốn hoạt động Quỹ Phát triển đất phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

1. Nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất

Nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

c) Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

d) Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

đ) Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và Điều lệ này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và Điều lệ này.

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ Phát triển đất

Quyền hạn của Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

b) Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

c) Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ Phát triển đất ứng vốn.

d) Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.

đ) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ Phát triển đất gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban Kiểm soát.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ Phát triển đất hoạt động theo mô hình độc lập.

Điều 6. Hội đồng quản lý

Hội đồng quản lý của Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ Phát triển đất. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất có 05 (năm) thành viên hoạt động kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ Phát triển đất.

c) 03 Thành viên Hội đồng quản lý là Lãnh đạo: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ Phát triển đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định theo quy định tại Nghị định

số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

e) Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

f) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

g) Được sử dụng con dấu của Quỹ Phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất, phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật. Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản hoặc phiếu ghi ý kiến.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 7. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Ban Kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất kiểm soát hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật.

a) Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban là đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Tài chính, 02 thành viên thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Phát triển đất.

b) Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Phát triển đất hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Thành viên của Ban Kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ Phát triển đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Thành viên Ban Kiểm soát do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát và Giám đốc Quỹ. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ Phát triển đất theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Phát triển đất trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát và các báo cáo khác theo yêu cầu.

đ) Trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ.

e) Được sử dụng con dấu của Quỹ Phát triển đất cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

g) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ tập thể, thành viên Ban Kiểm soát được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng Ban phân công, được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất nhưng không có quyền biểu quyết. Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Hội đồng quản lý và Trưởng Ban. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất và pháp luật có liên quan về các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 8. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất gồm: Giám đốc, không quá 02 (hai) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ).

a) Giám đốc Quỹ Phát triển đất là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Phát triển đất, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Phát triển đất .

b) Phó Giám đốc Quỹ Phát triển đất có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ Phát triển đất điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ Phát triển đất giám sát tài chính tại Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

d) Giám đốc Quỹ Phát triển đất phân công các phòng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất .

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất hoạt động chuyên trách. Biên chế làm việc tại cơ quan điều hành nghiệp vụ là viên chức.

3. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp

vụ và các quy chế khác theo quy định như: Quy trình nghiệp vụ quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất ; Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ...

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hằng năm của Quỹ Phát triển đất trình để trình Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất và quy định của pháp luật.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ Phát triển đất theo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất và pháp luật có liên quan.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 9. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

Nguồn vốn hoạt động Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất gồm:

Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất bao gồm vốn điều lệ do ngân sách tỉnh cấp và vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

a) Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ Phát triển đất sau khi trích lập các Quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của nhà nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất .

Quỹ Phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất được gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có vốn chi phối của nhà nước trên địa bàn và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 2 Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất

Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng; chế tài xử lý vi phạm thực hiện theo

quy định tại Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 Điều lệ này và Điều 15, 16, 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 11. Trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất

Trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất quy định tại Điều 15, 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trình tự xây dựng kế hoạch ứng vốn

a) Các tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này căn cứ nhu cầu ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất cho năm kế tiếp đăng ký Kế hoạch ứng vốn, gửi về Quỹ Phát triển đất.

b) Căn cứ nhu cầu ứng vốn tại điểm a khoản này, tiến độ thực hiện dự án, khả năng cân đối vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch ứng vốn năm sau và xây dựng dự thảo Kế hoạch ứng vốn gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý xem xét, cho ý kiến.

c) Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất tổng hợp, hoàn thiện văn bản Kế hoạch ứng vốn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn

Căn cứ đề nghị của Cơ quan điều hành nghiệp vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành Kế hoạch ứng vốn theo nguyên tắc: Chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng vốn; không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án, nhiệm vụ. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án, nhiệm vụ căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành, nhu cầu vốn ứng của các dự án, nhiệm vụ và nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất tại thời điểm đáp ứng được yêu cầu ứng vốn. Thời gian ban hành Kế hoạch ứng vốn trước ngày 31/12 hằng năm để các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Trong năm nếu phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất thì trình tự xây dựng, thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng vốn bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Điều kiện ứng vốn

a) Có Văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

Việc ứng vốn cho dự án được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của đơn vị.

a) Mức ứng vốn một lần đến 30 (ba mươi) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ Phát triển đất quyết định.

b) Mức ứng vốn một lần trên 30 (ba mươi) tỷ đồng do Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển đất quyết định.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn.

Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ Phát triển đất. Hồ sơ đề nghị gồm:

+ Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (*trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; Cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn*): 01 bản chính.

+ Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này và các tài liệu pháp lý khác có liên quan đến Dự án: 01 bản sao.

Hồ sơ tài liệu pháp lý khác có liên quan đến Dự án chỉ gửi đến Quỹ Phát triển đất 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án, trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ

Phát triển đất trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện ứng vốn theo quy định, Quỹ Phát triển đất có Văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn.

4. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ Phát triển đất kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ Phát triển đất. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ Phát triển đất cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

5. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Trách nhiệm của tổ chức được ứng vốn

a) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

b) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này vào mục đích khác.

c) Báo cáo kết quả sử dụng vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị.

d) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 13 Điều lệ này.

đ) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 14 Điều lệ này.

7. Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng

từ Quỹ Phát triển đất và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 13. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ; mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất như sau:

Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất	=	Tổng số tiền ứng vốn thực tế của từng dự án, từng nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này)	x	Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất quy định tại khoản này
---	---	---	---	---

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả trước hoặc cùng thời gian hoàn trả vốn ứng. Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

Điều 14. Hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ

Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án

a) Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này: 01 bản sao;

- Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (*trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ*): 01 bản sao;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền được giao làm Chủ đầu tư dự án: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền; các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ Phát triển đất (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có và chi phí quản lý vốn ứng), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương, để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng (*trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng*): 02 bản chính;

- Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: 02 bản chính. Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

- Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

- Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Nghị định này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ Phát triển đất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

5. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Quản lý, sử dụng vốn ứng đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo đúng cam kết.

b) Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất theo quy định.

Đối với các dự án ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất khi có nguồn hoàn trả từ dự án, Kho bạc Nhà nước chỉ được thanh toán cho các công trình, hạng mục khác sau

khi tổ chức ứng vốn hoàn trả đầy đủ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất.

c) Quỹ Phát triển đất: Thông báo số vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả đến các tổ chức ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

Điều 15. Gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng

Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khách quan khác, làm ảnh hưởng đến nguồn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng, tổ chức, đơn vị được ứng vốn báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Điều 16. Chế tài xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng

Tổ chức được ứng vốn nếu sử dụng vốn ứng không đúng mục đích được xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan; hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý ứng vốn không đúng thời gian cam kết mà không thuộc đối tượng quy định tại Điều 15 Điều lệ này thì Quỹ Phát triển đất dừng ngay việc giải ngân vốn ứng đối với tất cả các dự án/nhiệm vụ có trong Kế hoạch ứng vốn mà tổ chức đó được giao làm chủ đầu tư, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất

Quỹ Phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định. Việc nhận ủy thác của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 104/2024/ND-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ Phát triển đất

Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ Phát triển đất quy định tại Điều 20 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Năm tài chính của Quỹ Phát triển đất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và được quy

định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ Phát triển đất được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Đất trụ sở của Quỹ Phát triển đất thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ Phát triển đất

Các khoản thu, chi của Quỹ Phát triển đất quy định tại Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được sửa đổi bởi Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý Quỹ khác quy định tại khoản tại Điều 17 Điều lệ này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ Phát triển đất được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Phát triển đất để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ Phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các Quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

Chế độ kế toán, báo cáo của Quỹ Phát triển đất quy định tại Điều 22 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quỹ Phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ Phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo Điều lệ của Quỹ Phát triển đất và quy định của pháp luật.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Phát triển đất trong điều hành quản lý hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất là cơ quan trực tiếp lãnh đạo hoạt động của Quỹ Phát triển đất để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các quy chế, quy định, phê duyệt các nội dung theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Quỹ Phát triển đất phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hoạt động của Quỹ Phát triển đất chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ. Do đó, Giám đốc Quỹ Phát triển đất phải chủ

động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý, có sự tham dự của Ban Kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ Phát triển đất phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 22. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ Phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật trong hoạt động của Quỹ.

b) Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ Phát triển đất định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các Sở, ban, ngành

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ Phát triển đất chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ Phát triển đất theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Quỹ Phát triển đất và các Tổ chức ứng vốn

Các Tổ chức nhận vốn ứng được xem như đối tượng phục vụ của Quỹ. Do đó, Quỹ Phát triển đất thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các

quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn...để các Tổ chức được ứng vốn nắm bắt, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ Phát triển đất và các Tổ chức ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, GIẢI THỂ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 24. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ Phát triển đất với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ Phát triển đất được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Giải thể Quỹ Phát triển đất

Quy trình giải thể Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

1. Trường hợp không cần thiết phải duy trì Quỹ Phát triển đất thì cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ Phát triển đất báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.

2. Quy trình giải thể Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 26. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý chuyển tiếp

Xử lý chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, được bổ sung bởi Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Việc hoàn trả vốn ứng đối với các dự án, nhiệm vụ đã ứng vốn phát sinh trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành của thì được thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

2. Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân phường, xã và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ Phát triển đất thực hiện các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp Chính phủ có Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc Bộ Tài chính có hướng dẫn Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cập nhật.

4. Trong quá trình thực hiện, Quỹ Phát triển đất có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết). Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (thông qua Sở Tài chính xem xét, thẩm định).